

Bản án số: 143/2019/HNGĐ-ST

Ngày 08-11-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 994/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1991; thường trú: Xã Đ, huyện Y, tỉnh Th; tạm trú: Tổ 19, khu phố Đ

- Bị đơn: Anh Vũ Văn L, sinh năm 1982; thường trú: Xã Đ, huyện Y, tỉnh Th; tạm trú: Tổ 19, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị Ph và anh L tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, được sự đồng ý của gia đình, vợ chồng có tổ chức lễ cưới vào năm 2011, đến năm 2013 vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Th. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phường T, thị xã D, tỉnh B. Chị Ph làm công nhân thu nhập khoảng hơn 7.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc cố định 08 giờ/ngày, thỉnh thoảng mới tăng ca; anh L làm nghề lái xe thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không tin tưởng nhau về kinh tế, anh L không giành thời gian quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con kể cả những lúc ốm đau. Chị đã góp ý với anh L rất nhiều lần nhưng anh L không thay đổi nên về sau chị sống khép kín, vợ chồng không còn nói chuyện với nhau. Mặc dù hiện nay vẫn sống chung một nhà nhưng vợ chồng chị không còn quan tâm đến cuộc sống, tâm tư, tình cảm của nhau, không sinh hoạt vợ chồng từ năm 2016 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Vũ Nguyễn Khánh L, sinh ngày 28/8/2012. Hiện nay cháu L đang sống chung với bố mẹ tại Tổ 19, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B. Sau khi ly hôn, chị Ph yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Trong đơn khởi kiện chị Ph yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng nhưng tại phiên tòa chị Ph thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con theo đó chỉ yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh L trực tiếp nuôi con thì chị không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được một số tài sản chung như quyền sử dụng đất gắn liền căn nhà tại Tổ 19, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B, xe máy, ti vi, tủ lạnh...hiện nay cả hai vợ chồng đang sử dụng chung. Trường hợp vợ chồng không tự thỏa thuận phân chia được sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về nghĩa vụ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Vũ Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, về điều kiện kết hôn, về thời gian chung sống. Anh xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung, thỉnh thoảng vợ chồng cũng có xảy ra cãi vã. Tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Về kinh tế thời gian vợ chồng chưa phát sinh mâu thuẫn thì anh đi làm đưa tiền về cho vợ để tiết kiệm tiền trả nợ mua nhà nhưng sau khi vợ chồng mâu thuẫn anh không đưa hết tiền lương cho vợ, nếu một tháng làm được 7 triệu thì anh đưa cho vợ khoảng 4 triệu, còn một ít thì anh giữ lại để làm kinh phí đi làm hàng ngày. Tuy nhiên, thu nhập của chị Ph hàng tháng được bao nhiêu, sử dụng vào việc gì thì chị Ph cũng không cho anh biết. Anh L làm nghề lái xe taxi, thời gian làm việc 24 giờ làm thì 24 giờ được nghỉ, để tăng thêm thu nhập thì anh đăng ký đi làm thêm giờ nên không có nhiều thời gian để quan tâm, chăm sóc vợ con, trước khi đăng ký làm thêm giờ anh có trao đổi với vợ. Do chị Ph không thông cảm cho công

việc của chồng nên mới có cách nhìn nhận như vậy. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã diễn ra từ năm 2016 đến nay, tuy vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không sinh hoạt vợ chồng. Mặc dù anh không muốn gia đình tan vỡ, con cái lớn lên không có một gia đình trọn vẹn nhưng tại phiên tòa chị Ph vẫn mong muốn ly hôn thì anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ph.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Vũ Nguyễn Khánh L, sinh ngày 28/8/2012. Hiện nay cháu L đang sống chung với bố mẹ tại Tổ 19, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Ph thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho chị Ph trực tiếp nuôi con thì anh không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo yêu cầu của chị Ph.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa chị Ph và anh L đồng ý ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Vũ Nguyễn Khánh L, sinh ngày 28/8/2012, hiện nay cháu sống cùng bố mẹ. Xét cháu L còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, chị Ph có việc làm và thu nhập ổn định, thời gian làm việc cố định. Anh L làm nghề lái xe taxi thời gian làm việc không cố định, hơn nữa cháu L cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh L đều xác định thu nhập của anh trung bình khoảng 8.000.000 đồng/tháng đến 9.000.000 đồng/tháng. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi là có căn cứ chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

[1.1] Chị Ph và anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59/2013 quyền số 02 ngày 20/8/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Chị Nguyễn Thị Ph xác định quá trình chung sống với anh Vũ Văn L vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ

chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về kinh tế; anh L không giành thời gian quan tâm, chăm sóc vợ con, sống vô tâm. Hiện nay vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến cuộc sống, tâm tư, tình cảm của nhau. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với anh L. Anh L xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã diễn ra từ năm 2016 đến nay. Vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Mặc dù anh không muốn gia đình tan vỡ, con cái lớn lên không có một gia đình trọn vẹn nhưng tại phiên tòa chị Ph vẫn mong muốn ly hôn thì anh L đồng ý. Chị Ph và anh L yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

[2] Về con chung:

[2.1] Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Vũ Nguyễn Khánh L, sinh ngày 28/8/2012. Hiện nay cháu L đang sống chung với bố mẹ tại Tổ 19, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B. Chị Ph và anh L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ph làm công nhân thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc cố định. Anh L làm nghề lái xe taxi thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng đến 9.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc không cố định. Xét thấy, cháu L hiện còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc từ người mẹ, chị Ph có thời gian làm việc cố định đảm bảo tốt cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng con. Mặt khác, trong bản tự khai cung cấp cho Tòa án cháu L có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con cho chị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Anh L có thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là để đảm bảo cho con có cuộc sống tốt hơn. Đối chiếu thu nhập của anh L thì chị Ph yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung và nghĩa vụ chung. Tòa án không nhận được đơn yêu cầu chia tài sản chung, nghĩa vụ chung của chị Ph hoặc anh L. Tại phiên tòa chị Ph và anh L đều thống nhất tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nghĩa vụ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp không thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại phiên tòa trong phần hỏi chị Ph và anh L đồng ý ly hôn. Do đó, chị Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí ly hôn và anh Vũ Văn L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ph và anh Vũ Văn L. (Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2013 quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã Định Tiên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 20/8/2013).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ph đối với anh Vũ Văn L về việc nuôi con.

- Về con chung: Buộc anh Vũ Văn L giao con chung tên Vũ Nguyễn Khánh L, sinh ngày 28/8/2012 cho chị Nguyễn Thị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Vũ Văn L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Ph và anh Vũ Văn L đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh L lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Ph nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0029206, ngày 03-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Vũ Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã Đ, huyện Y,
tỉnh Th;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân